

Tư tưởng triết học của Lão Tử

Võ Văn Dũng¹

¹ Trường Đại học Khánh Hòa.
Email: vovandungcdk@gmail.com

Nhận ngày 5 tháng 12 năm 2019. Chấp nhận đăng ngày 7 tháng 1 năm 2020.

Tóm tắt: Lão Tử là một trong những nhà tư tưởng tiêu biểu của triết học cổ đại phương Đông nói chung và triết học Trung Quốc cổ đại nói riêng. Ông được xem là người sáng lập ra trường phái triết học Đạo gia. Nội dung tư tưởng triết học của ông tập trung ở tác phẩm *Đạo đức kinh*. Tư tưởng triết học Lão Tử đạt đến tư duy trừu tượng và vượt qua được mọi thử thách của thời gian. Tư tưởng triết học được thể hiện qua những quy luật về thế giới quan, phương pháp luận và nhận thức luận.

Từ khóa: Nhận thức luận, phương pháp luận, tư tưởng triết học.

Phân loại ngành: Triết học

Abstract: Lao Tzu is one of the typical thinkers of ancient oriental philosophy in general and ancient Chinese philosophy in particular. He is considered to be the founder of the Taoist philosophical school. The content of his philosophical ideas is concentrated in the work of *Tao Te Ching*. Lao Tzu's philosophical thought reached abstract thinking and stood the test of time. The thought is expressed through laws of worldview, methodology and epistemology.

Keywords: Epistemology, methodology, philosophical thought.

Subject classification: Philosophy

1. Dẫn nhập

Lão Tử (khoảng thế kỉ VI-V trước Công Nguyên) được xem là ông tổ của học phái Đạo gia thời kỳ Tiên Tần. Tuy vậy, cuộc đời và sự nghiệp của ông mang đầy huyền thoại nên cũng rất khó xác định. Theo Tư

Mã Thiên, “Lão Tử người làng Khúc Nhân, Hưng Lê, huyện Khổ, nước Sở, họ Lý, tên Nhĩ, tự là Bá Dương, tên thụy là Đam. Ông làm quan sử giữ nhà chứa sách của nhà Chu” [2, tr.330]. Cũng giống như tất cả các nhà triết học đương thời, tư tưởng triết học của Lão Tử được hình và phát triển trong

giai đoạn lịch sử Trung Quốc đầy biến động. Sự biến động đó đã sản sinh ra hàng trăm nhà tư tưởng được chia thành 11 học phái cơ bản. Các học phái này đều nhắm tới mục đích cải tạo xã hội từ loạn lạc thành thịnh trị, đối tượng để đạt đến mục đích là lý giải về con người, và tư tưởng triết học của Lão Tử ra đời cũng không nằm ngoài mục đích đó. Trên quan điểm cho rằng “Đạo” là nguồn gốc của mọi sự vật hiện tượng, Lão Tử đã đưa ra tư tưởng biện chứng với các quy luật quân bình, phản phục để giải thích về giới tự nhiên. Và ông xem các quy luật này như một phương tiện để có thể nắm vững sự phát triển của các sự vật hiện tượng. Bên cạnh đó Lão Tử cho rằng, con người không chỉ là sản phẩm của giới tự nhiên mà còn là sản phẩm của xã hội.

Tư tưởng triết học của Lão Tử đã thể hiện được tư duy trừu tượng khi ông sử dụng quy luật của tự nhiên để lý giải cho những quy luật xã hội. Đây là kiểu tư duy hoàn toàn khác với các nhà tư tưởng đương thời. Với phương pháp luận và nhận thức luận mang tính biện chứng tự nhiên, triết học Lão Tử đã khẳng định giới tự nhiên tồn tại độc lập với ý thức của con người. Trên phương diện lịch sử triết học thì đây là một tư tưởng mới mẻ có tính đột phá đối với thời đại lúc đó. Bài viết này tìm hiểu tư tưởng triết học của Lão Tử về thể giới quan, phương pháp luận và nhận thức luận.

2. Tư tưởng triết học của Lão Tử về thể giới quan

Học phái Đạo gia có ảnh hưởng sâu rộng trong nền văn hóa Trung Quốc từ khi nó

xuất hiện cho đến ngày nay. Nếu như các học phái khác ở Trung Quốc thời kỳ cổ đại xem con người như một thể giới thu nhỏ để lý giải giới tự nhiên thì học phái Đạo gia lại sử dụng giới tự nhiên để lý giải con người. Để giải thích về thể giới Lão Tử đã gói gọn trong một từ “Đạo”. Chữ “Đạo” là một danh từ triết học, chính trị học, xã hội học Trung Quốc, được sử dụng rộng rãi từ trước thời của Lão Tử. “Đạo” vốn có nghĩa ban đầu là “con đường”, nhưng ngay trong tiếng Hán cổ, “Đạo” cũng đã có nghĩa là “phương tiện”, “nguyên lý”, “con đường chân chính”. Như vậy “Đạo” được hiểu là đường đi, đường lối, phương pháp, tư duy... Trong quan niệm của Lão Tử thì “Đạo” được dùng để chỉ thể giới quan “có một vật hỗn độn và thành trước cả trời đất. Nó yên lặng (vô thanh) trống không (vô hình), đứng một mình mà không thay đổi (vĩnh viễn bất biến), vận hành khắp vũ trụ mà không ngừng, có thể coi nó là mẹ của vạn vật trong thiên hạ. Ta không biết tên nó là gì, tạm đặt tên cho nó là đạo” [3, tr.202]. Như vậy “Đạo” theo Lão Tử là bản thể của vũ trụ, là nguyên lý của vũ trụ xuyên suốt vạn vật. Có thể xem Lão Tử là một trong những người đầu tiên đã dùng chữ “Đạo” để giải thích vũ trụ. Và “Đạo” là nguyên lý tồn tại vĩnh viễn không sinh ra cũng không mất đi. “Đạo” là nguồn gốc của mọi sự vật, hiện tượng trên thế giới, nó là lý do chi phối sự sinh thành và biến hóa của trời đất. “Trong vũ trụ có bốn cái lớn mà người là một. Người bắt chước đất, đất bắt chước trời, trời bắt chước đạo, đạo bắt chước tự nhiên” [3, tr.202]. Như vậy theo Lão Tử, “Đạo” sinh ra vạn vật liên tục không ngừng, vì thế, “Đạo” không phải là cái gì đó cụ thể mà có thể cảm quan

được. Với quan niệm này Lão Tử đã vượt qua các nhà tư tưởng triết học đương thời khi quan niệm về thế giới.

Trên quan điểm thế giới không ngừng vận động và biến đổi cũng như “Đạo” không thể nhìn thấy được, không thể nghe thấy, cũng không thể sờ nắm được. “Đạo” là cơ sở đầu tiên của vạn vật nhưng nó không phải là một thể cố định mà là thực thể của sự hỗn độn, không có một tính quy định nào, ngoài tính khách quan, tự nhiên chất phác, trống rỗng, huyền diệu. “Đạo” đã chuyển từ không đến có, từ có rồi sinh ra vạn vật “Đạo sinh một, một sinh ra hai, hai sinh ra ba, ba sinh ra vạn vật” [3, tr.228]. Như vậy trạng thái hỗn độn ban đầu của “Đạo” là nguyên nhân sinh ra vạn vật trong vũ trụ, nó mang tính khách quan không phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của con người. “Đạo” không phải là một thực thể đặc biệt cố định mà là thực thể của sự hỗn độn, không có tính quy định ban đầu. “Đạo” là một dạng thuần phác không chịu sự tác động của con người, “Đạo” sinh ra vạn vật nhưng không quy định bản chất của nó. Tuy nhiên “vạn vật phồn thịnh đều trở về căn nguyên của chúng” [3, tr.188], như vậy vạn vật trên thế giới này luôn vận động, biến đổi và phát triển chứ không phải nhất thành bất biến. “Đạo” được hiểu như là một khoảng trống không bao hàm vũ trụ, không có giới hạn của nó. Lão Tử đã dùng chữ “Đạo” để giải thích về thế giới, giải thích về cội nguồn của vạn vật được sinh ra, tồn tại và phát triển cho thấy tính biện chứng của nó. Ông cho rằng “Đạo” không bao giờ mất, nó tồn tại đầy khắp cả vũ trụ, là đầu mối của đất trời, là mẹ của muôn vật, vì vậy “chỉ có đạo là khéo sinh ra và tác thành vạn

vật” [3, tr.227]. “Đạo” không thể diễn tả bằng lời nhưng cũng không thể gọi nó bằng tên thường, nó là một cái gì đó mờ ảo, kín đáo, chìm nhưng không mất, nổi mà không thấy. Tuy vậy, “Đạo” lại rất hiện thực bởi “vạn vật trong thiên hạ từ có mà sinh ra; có lại từ không mà sinh ra” [3, tr.225].

Lão Tử đã dùng nước như một công cụ để diễn tả sự vận động của “Đạo”. Ông cho rằng trong tự nhiên không có gì mềm hơn nước và cũng không có gì có thể thay thế được nước. Lão Tử cho rằng, trong tự nhiên không gì rắn hơn đá, nhưng nước chảy đá sẽ mòn. Nước không có hình, luôn yên tĩnh, phẳng lặng, êm ái nhưng nó luôn qua mọi góc ngách, chảy qua mọi nơi. Khi yên ả thì nó cung cấp nguồn sống cho muôn loài nhưng khi giận giữ thì nó cuốn trôi tất cả. Do vậy nước chứa trong thùng tròn thì nó trở nên tròn, chứa trong thùng vuông thì nó trở thành vuông. Nước trở nên mềm mại như những giải lụa trắng ngàn bay trong không trung nhưng nó cũng trở nên cứng như lưỡi dao có thể chặt đứt tất cả. “Đạo” giống như nước chảy về nơi thấp, giống như mọi con suối nhỏ cuối cùng cũng đổ ra biển lớn.

Từ việc giải thích về thế giới, Lão Tử đã tiến hành giải thích về xã hội hiện thực. Ông cho rằng, xã hội rối ren là do bậc quốc trưởng không nắm được luật quân bình âm dương. Nếu bậc quốc trưởng nắm được luật quân bình và vận dụng nó thì xã hội sẽ trở nên thái bình. Luật quân bình trong xã hội cũng như luật quân bình của nước, trong bất kỳ hoàn cảnh nào thì nước cũng luôn tìm lại thế cân bằng vốn có của nó, nước có thể san bằng lời lồi lõm để tạo ra mặt phẳng. Lão Tử cho rằng, nếu mọi người trong xã hội đều

hiều được “Đạo” thì không cần ra khỏi cửa cũng biết được lý lẽ trong thiên hạ, không cần nhìn qua cửa sổ cũng thấy được quy luật tự nhiên. Lão Tử cho rằng “Đức” là công năng của “Đạo” thể hiện vào vạn vật. “Đạo” sinh ra vạn vật nhưng cái mà làm cho vật nào thành ra vật nấy là do “Đức” quy định. Nếu “Đạo” là nguyên tố căn bản của vạn vật thì “Đức” là sự vận hành của vạn vật. Do đó, “Đức” chính là biểu hiện bản chất, là thuộc tính của sự vật tồn tại theo quy luật tự nhiên. Như vậy Lão Tử đã đứng trên lập trường duy vật khi quan niệm về thế giới, ông đã dùng giới tự nhiên để giải thích giới tự nhiên và dùng các quy luật của giới tự nhiên để lý giải các quy luật xã hội. Trên quan điểm đó cho thấy thế giới quan của Lão Tử đã đạt đến trình độ tư duy trừu tượng vượt qua các nhà tư tưởng triết học đương thời.

3. Tư tưởng triết học của Lão Tử về phương pháp luận

Lão Tử cho rằng “Đạo” là nguồn gốc sinh ra mọi sự vật, hiện tượng trên thế giới và chi phối toàn bộ trong quá trình vận động, biến đổi và phát triển của chúng. Quan điểm biện chứng của Lão Tử được thể hiện ở chỗ “queo thì sẽ thẳng ra, trũng thì sẽ đầy, cũ nát thì sẽ mới, ít sẽ được thêm” [3, tr.196]. “Đạo” tuy không thể dùng các giác quan để nhận thức được nhưng nó có thể thông qua các quy luật để hiểu về “Đạo”. Hiểu được luật quân bình sẽ hiểu được sự vận động, biến hóa của các sự vật, hiện tượng trong giới tự nhiên và xã hội và tư duy. Luật quân

binh được Lão Tử cụ thể hóa đó là nước, nước có bản tính mềm mại, gặp chỗ trống thì chảy vào, gặp chỗ đầy dư thì chảy ra, lênh cao mà tìm thấp. Nước luôn vận động biến đổi, “nước khéo làm lợi cho vạn vật mà không tranh với vật nào” [3, tr.196]. Mọi sự vật phát triển đến cực điểm sẽ trở lại với cái ban đầu vốn có của nó nên Lão Tử gọi đó là luật phản phục. Ông dùng luật này để giải thích về sự đối lập của các sự vật, hiện tượng trong tự nhiên và xã hội, như: trong tự nhiên có ngày thì sẽ có đêm, có nắng thì có mưa, có cao thì có thấp, có sáng thì có tối...; trong xã hội có gái thì có trai, có trẻ thì có già, có thiện thì có ác, có xấu thì có đẹp... Mọi sự vật, hiện tượng bao giờ cũng có cái đối lập chúng không chỉ tương phản nhau mà chúng còn bổ sung cho nhau, tồn tại và quy định lẫn nhau. Phương pháp nhận thức đối với mọi sự vật, hiện tượng phải bắt đầu từ “Đạo” bởi vũ trụ và vạn vật đều do “Đạo” sinh ra, cuối cùng cũng trở về với cội nguồn của nó, đó là “Đạo”. Lão Tử nói “vạn vật từ vô mà sinh ra rồi trở về vô” [3, tr.188], vạn vật hễ phát đạt đến cực độ thì lại phản phục biến thiên, chuyển thành đối địch của nó. “Đạo” sinh ra vạn vật, từ không mà có, trở về với “Đạo” là từ có trở về không. Trong xã hội thì họa là chỗ dựa của phúc, phúc là chỗ núp của họa. Nếu ai biết được đâu là chỗ cùng cực của nó thì sẽ hiểu được họa phúc. Tuy nhiên, họa phúc luôn nhường chỗ cho nhau chứ không phải là bất biến. Bởi vậy khi gặp may phải phòng cái rủi do cái may ấy mang đến, và khi gặp rủi lại chứa đựng cái may do cái rủi đó mang đến. Mọi sự vật, hiện tượng đều

sinh ra từ cái có, cái có lại sinh ra từ cái không. Khi con người hiểu được sự chi phối của “Đạo” đối với vạn vật thì sẽ hiểu được sự vật, hiện tượng ấy. Lão Tử nói: “Đạo sinh một, một sinh hai, hai sinh ba, ba sinh vạn vật. Vạn vật đều công âm dương mà âm dương, điều hòa bằng khí trùng hu” [3, tr.228]. Khí âm và khí dương giao hòa để sinh ra muôn vật, chính vì thế mà cái có và cái không sinh ra nhau, cái khó và cái dễ sánh với nhau, cái dài và cái ngắn so với nhau, cái cao và cái thấp nghiêng vào nhau, âm và thanh hòa quyện vào nhau, cái trước và cái sau nối tiếp nhau.

Mọi sự vật, hiện tượng trong tự nhiên và xã hội biến đổi không ngừng do sự tác động của các mặt đối lập vốn có bên trong của mỗi sự vật, hiện tượng đó, nó là quy luật âm dương. Các mặt âm dương ấy luôn luôn động, diễn tiến, biến và hóa theo một quy luật bất di bất dịch. Trong lịch sử Trung Quốc cổ đại, Lão Tử không phải là người đầu tiên đưa ra quan điểm về luật phản phục, nhưng ông đã sử dụng nó rất thành công trong việc lý giải về phương pháp nhận thức thế giới.

Để có phương pháp nhận thức thế giới Lão Tử cho rằng, muôn vật sinh sôi, phát triển rồi rồi sẽ trở về cái vốn có của nó đã sinh ra. Trở về gốc gọi là tĩnh, đó là trở về trạng thái bất sinh bất diệt. Sự đấu tranh của các mặt đối lập trong mỗi sự vật, hiện tượng của Lão Tử chứa đựng tư tưởng biện chứng chuyển hóa mâu thuẫn nhưng mới chỉ là những nhận xét hình thức, trực quan và đơn giản. Sự đấu tranh trong mỗi sự vật, hiện tượng là hai mặt âm và dương, nhưng âm và dương không chỉ xung đột với nhau

mà còn hòa hợp với nhau, bổ sung cho nhau, không có âm thì cũng chẳng có dương, không có dương thì cũng chẳng có âm. Lão Tử đã đặt mọi sự vật, hiện tượng trong quá trình vận động, biến đổi và phát triển khi nhận thức về nó. Ông cho rằng mỗi sự vật, hiện tượng đều tồn tại trong muôn vàn các mối quan hệ với nhau, trong đó không chỉ có mối quan hệ đối lập giữa các sự vật hiện tượng với nhau mà nó còn có sự đối lập ngay trong bản thân của mỗi sự vật, hiện tượng. Lão Tử giải thích sự biến hóa của sự vật, hiện tượng trong thế giới như là một quá trình vận động tuần hoàn, nếu chúng ta không thấy được sự đấu tranh chuyển hóa giữa các mặt đối lập thì không thể nhận thức được các sự vật. Phương pháp nhận thức của Lão Tử tuy còn ở trạng thái sơ khai, chất phác, cảm tính nhưng ông đã biết đặt phương pháp nhận thức trong quá trình vận động, mâu thuẫn, phát triển của chúng.

4. Tư tưởng triết học của Lão Tử về nhận thức luận

Lão Tử cho rằng để nhận thức được “Đạo” cái mà từ đó mọi thứ được sinh ra thì phải bắt đầu từ sự nhận thức các mối quan hệ của nó. Đối tượng nhận thức của Lão Tử hướng đến là con người hiện thực. Trong quan điểm của mình, Lão Tử luôn đề cao yếu tố tự nhiên của con người, nó được biểu hiện sâu sắc ở nghệ thuật sống, thái độ ứng xử của con người, đạo trị nước... Đây cũng chính là đối tượng nhận thức trong hệ thống triết học của ông.

Trên quan điểm cho rằng, con người là một bộ phận cấu thành của của giới tự nhiên nên con người phải tuân theo quy luật vốn có của nó, Lão Tử cho rằng, vạn vật tồn tại đều có bản tính tự nhiên nên chúng vận động, biến hóa theo lẽ tự nhiên. Con người muốn nhận thức nó thì phải đặt nó trong trạng thái vốn có của nó mà không can thiệp một cách thô bạo vào sự vật theo ý muốn chủ quan của mình. Lão Tử chủ trương “thánh nhân không có thành kiến, lấy lòng thiên hạ làm lòng mình” [3, tr.235], ông khuyên con người thuận theo tự nhiên, tuân theo quy luật tự nhiên, không tùy tiện, không áp đặt theo ý mình. Do vậy khi nhận thức về một sự vật hiện tượng cần phải biết ngăn chặn, bài trừ những gì làm tổn hại đến bản tính tự nhiên của vạn vật. Lão Tử chủ trương “vô vi” nhưng không có nghĩa là không làm mà là không làm gì trái với quy luật tự nhiên, trái với bản tính của tự nhiên. Như vậy “vô vi” phải được hiểu là không làm mà không gì không làm, làm mọi việc mà cứ như không làm bởi nó không trái với quy luật của tự nhiên. Mọi sự vật biến hóa theo quy luật tự nhiên của nó, do vậy nó không phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của con người. Nếu con người muốn nhận thức về sự vật ấy mà đưa ý muốn chủ quan của mình để áp đặt lên đối tượng nhận thức thì chẳng bao giờ có thể nhận thức được nó một cách đầy đủ. Đối với xã hội cũng vậy, nếu con người cố chạy theo những nhu cầu trái với khả năng và bản tính tự nhiên của mình thì sẽ đánh mất chính mình. Con người dùng suy nghĩ chủ quan để áp đặt bản tính tự nhiên vốn có sẽ làm ảnh hưởng đến

tính tự do của nó. Do vậy, trong hành động của con người phải không có ý thức vụ lợi, không mưu tính riêng tư, tự tin và hồn nhiên như trẻ thơ, không uốn mình theo những quy tắc, chuẩn mực, đạo lý được áp đặt từ bên ngoài. Tri thức và kỹ năng của con người nếu không thuận theo quy luật tự nhiên sẽ tạo ra sự tranh chấp và làm rối loạn xã hội. Do vậy con người sống phải biết đủ, biết nghĩ đến những người xung quanh “ngoài thì biểu hiện sự mộc mạc, trong thì giữ sự chất phác, giảm tư tâm, bớt dục vọng” [3, tr.192]. Lão Tử đã nhận thức xã hội hết sức hiện thực, ông phản đối sự áp đặt chi tiết trong sự cai trị của nhà cầm quyền đối với mỗi người dân để xây dựng một “xã hội đại đồng”. Và thay vào đó là sự ủng hộ xây dựng một xã hội theo quy luật tự nhiên, ít can thiệp vào dân nhưng xã hội vẫn phát triển và ổn định. “Ta không làm gì mà dân tự cải hóa, ta ưa thanh tĩnh mà dân tự nhiên thuần chính, ta không ban giáo lệnh mà dân tự phú túc, ta vô dục mà dân tự hóa ra chất phác” [3, tr.247]. Lão Tử cho rằng, theo lẽ tự nhiên dân chúng không khó trị, nhưng do nhà cầm quyền không nắm được quy luật, không hiểu rõ bản tính tự nhiên nên đưa ra những quy định trái với quy luật và bản tính vốn có của nó nên làm cho xã hội loạn.

Lão Tử cho rằng con người không chỉ bị chi phối bởi quy luật tự nhiên mà con người còn chịu sự chi phối của quy luật xã hội. Trong xã hội, giữa nhà cai trị và người dân có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, nhà cai trị đặt ra nhiều lệnh cấm thì dân nghèo đi, dân càng nghèo thì nhà nước càng yếu. Bậc

trị nước mà quá khắt khe, đem pháp lệnh bủa giăng trên đầu dân thì dân cũng tìm đủ mọi mảnh khõe, thủ đoạn để trốn tránh. Muốn cho đất nước phát triển thì “đừng bó buộc đời sống của dân, đừng áp bức kẻ sinh nhai của dân” [3, tr.265]. Lão Tử cũng cho rằng con người là sản phẩm của xã hội, và nền chính trị nào sẽ sản sinh ra con người đó. Để con người thuần phác thì nhà cầm quyền không can thiệp thô bạo mà biết tôn trọng sự phát triển tự thân của sự vật. Nhà cầm quyền phải biết vận dụng chính sách của mình như quy luật của nước, chính sách phải thấm vào dân nhưng vẫn giữ được bản chất của nó. Nước hòa tan tất cả, nước chảy khắp mọi nơi, nước mềm như dải lụa bay lơ lửng trên bầu trời nhưng nước cũng cứng như đá trên mặt đất. Lão Tử cho rằng con người trở nên bạo tàn là do nhà cai trị áp đặt và dồn họ đến bước đường cùng. Dân khổ vì nhà cai trị thu thuế nhiều cho nên dân đói, dân loạn là vì nhà cai trị dùng mọi thủ đoạn để ép buộc người dân. Để làm cho dân no đủ và ổn định thì nhà cầm quyền phải lo cho dân no ấm, mạnh khỏe và dạy cho dân sống theo quy luật của tự nhiên. Một khi dân được ấm no, không bệnh tật và thuần phác thì xã hội sẽ ổn định. Nếu muốn lòng dân không loạn thì nhà cai trị phải biết lo cho dân, không đặt ra sưu cao thuế nặng, không bóc lột dân. Nhà cai trị phải biết thương dân thì phải lo cho dân no ấm, tránh sưu thuế cao và không ép buộc dân phục dịch. Nếu nhà cầm quyền sống xa xỉ, thu sưu cao, thuế nặng mà còn bắt dân phục dịch thì nhân dân chỉ có thể chịu đựng đến một mức độ nào đó rồi trở nên loạn bởi vì họ không còn sợ chết nữa. Từ những vấn đề

trên cho thấy con người trong quan điểm của Lão Tử không chỉ là sản phẩm của giới tự nhiên mà còn là sản phẩm của xã hội.

5. Kết luận

Tư tưởng triết học của Lão Tử đã được trình bày một cách sâu sắc, khái quát và đạt đến trình độ của tư duy trừu tượng. Những tư tưởng ấy của Lão Tử không chỉ đóng góp đáng kể vào sự phát triển tư tưởng triết học Trung Quốc mà còn tạo nên một điểm nhấn trong dòng chảy của sự phát triển tư tưởng triết học nhân loại. Với bút pháp ẩn dụ, súc tích nhưng lại gợi mở, Lão Tử đã làm người đời sau phải kinh ngạc, thán phục trước tư duy của mình. Tuy nhiên, tư tưởng triết học của Lão Tử cũng giống như của các nhà tư tưởng đương thời đều chịu sự chi phối của lịch sử và tính giai cấp nên không thể tránh khỏi những hạn chế nhất định khi giải quyết những vấn đề về thế giới quan, phương pháp luận và nhận thức luận. Nhưng nếu chúng ta biết gạt bỏ những hạn chế đó khi nghiên cứu tư tưởng triết học của Lão Tử thì sẽ thấy những hạt nhân hợp lý vượt mọi không gian và thời gian của ông.

Tài liệu tham khảo

- [1] Võ Văn Dũng (2019), *Tư tưởng chính trị thời Tiên Tần và giá trị của nó*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
- [2] Tư Mã Thiên (1998), *Sử ký*, Nxb Văn học, Hà Nội.
- [3] Lão Tử (1998), *Đạo đức kinh*, Nxb Văn hóa, Hà Nội.

